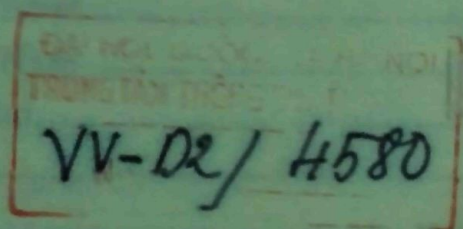


793.63
NG-T
2000

NGUYỄN THỊ VIỆT THANH

NGỮ PHÁP TIẾNG NHẬT

日本語文法



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - 2000

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	7
MỞ ĐẦU	10
Chương I. Ngữ âm	14
A. Âm tiết	14
B. Âm vị	24
C. Trọng âm	27
Chương II. Văn tự	32
A. Tình hình chung	32
B. Chữ Hán trong tiếng Nhật	38
Chương III. Từ pháp	46
Mục 1. Một số đặc điểm chung của từ vựng tiếng Nhật ...	46
1. Lớp từ thuần Nhật	47
2. Lớp từ Hán - Nhật	47
3. Lớp từ ngoại lai	50
Mục 2. Từ loại	57
A. Danh từ	57
I. Danh từ thực	59
II. Danh từ hình thức	75
III. Đại từ	83
1. Đại từ nhân xưng	83
2. Đại từ chỉ định	87

IV. Số từ. Số từ thực và trợ số từ.....	95
1. Số từ thực.....	96
2. Trợ số từ.....	97
B. Động từ.....	102
I. Một số cách phân loại động từ tiếng Nhật.....	105
1. Phân loại động từ theo nghĩa.....	105
2. Phân loại động từ theo đặc điểm biến đổi.....	107
3. Phân loại động từ theo cấu tạo.....	109
4. Phân loại động từ theo chức năng.....	112
II. Các dạng thức của động từ.....	117
1. Dạng thức từ điển.....	117
2. Dạng thức lễ phép ~ます [~ masu].....	119
3. Dạng thức ~て [~ te].....	121
4. Dạng thức quá khứ ~て [~ ta].....	124
5. Dạng thức ý chí ~よう [~ yoo] ~ う [~ u].....	126
6. Dạng thức khả năng ~える [~eru], ~られる [~ rareru].....	128
7. Dạng thức giả định ~ば [~ ba].....	131
8. Dạng thức điều kiện ~たら [~ tara].....	133
9. Dạng thức bị động ~れる [~ reru], ~られる [~ rareru].....	135
10. Dạng thức tác động ~せる [~ seru], ~させる [~ saseru].....	137
11. Dạng thức mệnh lệnh.....	139
III. Các hình thức biểu thị thời của động từ.....	143
1. Thời hiện tại và hiện tại tiếp diễn.....	144
2. Thời quá khứ và quá khứ tiếp diễn.....	147
3. Thời tương lai.....	149

C. Tính từ	149
1. Tính từ đuôi ~い [~i]	150
2. Tính từ đuôi な [na]	152
D. Phó từ	157
1. Phó từ trợ nghĩa cho động từ	158
2. Phó từ trợ nghĩa cho tính từ	160
3. Phó từ trợ nghĩa cho toàn câu	162
E. Từ nối, Thán từ	166
I. Từ nối	166
1. Phân loại từ nối theo đơn vị nối	167
2. Phân loại từ nối theo cấu tạo	169
3. Phân loại từ nối theo ý nghĩa	172
II. Thán từ	173
G. Trợ từ	177
I. Nhóm trợ từ chỉ cách	179
II. Trợ từ định danh	217
III. Nhóm trợ từ nối	220
IV. Trợ từ quan hệ	226
V. Nhóm trợ từ kết thúc	237
VI. Nhóm trợ từ đệm	240
H. Trợ động từ	240
Chương IV. Cú pháp.	270
A. Trật tự từ	270
1. Trật tự của các thành phần chính	270
2. Trật tự từ trong danh ngữ	272
3. Trật tự từ trong động ngữ	273
4. Trật tự từ trong tính ngữ	275

B. Các thành phần chính của câu	275
1. Chủ ngữ.....	275
2. Vị ngữ.....	278
3. Bổ ngữ	278
4. Trạng ngữ.....	281
5. Đề ngữ	284
C. Phân loại câu.....	290
I..Phân loại theo mục đích phát ngôn	290
1. Câu tường thuật.....	290
2. Câu nghi vấn.....	294
3. Câu cầu khiến	298
4. Câu cảm thán	300
II. Phân loại câu theo cấu trúc.....	302
1. Câu đơn	302
2. Câu ghép	307
3. Câu phức	329
III. Một số kiểu câu đáng lưu ý trong tiếng Nhật.....	334
1. Câu bị động	334
2. Câu tác động	342
3. Câu trao nhận	349
4. Câu có nghĩa so sánh	359
Chương V. Kính ngữ.....	367
1. Kính ngữ biểu thị bằng phương thức từ vựng.	370
2. Kính ngữ biểu thị bằng phương tiện ngữ pháp	374
Chương VI. Sự phân biệt giới tính trong sử dụng ngôn ngữ.....	382
TÀI LIỆU THAM KHẢO	395